

ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

 TS. LÊ XUÂN SINH*

1. Sự cần thiết đào tạo ngoại ngữ trong điều kiện hội nhập quốc tế

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp thông tin không thể thiếu trong đời sống của con người. Nhờ có ngôn ngữ mà con người lĩnh hội được những tri thức, kiến thức để có thể tồn tại, hoàn thiện và không ngừng phát triển. Hiện nay, trên thế giới có hàng ngàn ngôn ngữ khác nhau. Việc tiếp cận và lĩnh hội được một ngôn ngữ khác, ngoài ngôn ngữ là tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình là chìa khóa giúp chúng ta mở cửa và tiếp cận với một thế giới mới, một chân trời mới, đây là cầu nối để giao lưu, trao đổi, học hỏi những tri thức, kiến thức, kinh nghiệm của các dân tộc và quốc gia trên thế giới.

Ngoại ngữ là ngôn ngữ nước ngoài, ngôn ngữ của một quốc gia khác, là phương tiện để giao lưu, giao tiếp quốc tế. Ngày nay, việc học tập, đào tạo và lĩnh hội ngoại ngữ được nhắc đến như một điều kiện tiên đề không thể thiếu trong quá trình hội nhập quốc tế, cũng như quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật công nghệ, thế giới đang bước vào thời kỳ kinh tế tri thức. Xã hội mới phồn vinh ở thế kỷ XXI phải là một xã hội của tri thức, dựa vào tri thức và tư duy sáng tạo của con người. Để có thể giao lưu, hội nhập vào cộng đồng thế giới, giới thiệu quảng bá nền văn hóa dân tộc, những sản phẩm, giá trị, thành tựu và tinh hoa của đất nước, cũng như học hỏi, tiếp nhận những giá trị, tri thức, kinh nghiệm của các quốc gia và các nền văn minh trên thế giới, đòi hỏi chúng ta phải có vốn kiến thức ngoại ngữ, không những thế phải biết nhiều ngoại ngữ và thông thạo ngoại ngữ coi đây là phương tiện, chìa khóa và là cầu nối giúp ta mở mang tầm nhìn và vươn ra với thế giới. Hơn lúc nào hết, một lượng khổng lồ những tri thức, kiến thức của nhân loại đang cần được xử lý, chuyển tải phục vụ cho chính bản thân sự phát triển của con người, cũng như phục vụ cho sự phát triển của mỗi quốc gia. Để làm được điều đó, một điều kiện tiên quyết không thể thiếu được chính là sự hiểu biết về ngoại ngữ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng, vai trò của ngoại ngữ và tính cấp thiết của đào tạo ngoại ngữ đối với phát triển kinh tế - xã hội, cũng như quá trình hội

nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy việc học tập và đào tạo ngoại ngữ, trong đó có việc triển khai chương trình đào tạo ngoại ngữ bắt buộc vào các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân, theo đó, ngoại ngữ sẽ được đưa vào chương trình giảng dạy từ lớp 3 (Trường tiểu học) cho đến các cấp học và trình độ đào tạo cao hơn. Ngày 30/9/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1400/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020". Theo mục tiêu của Đề án: *"Tới năm 2015, đội ngũ nhân lực Việt Nam, ở những lĩnh vực ưu tiên, sẽ đạt được bước tiến rõ rệt về năng lực sử dụng ngoại ngữ; đến năm 2020, đa số thanh niên tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập làm việc trong môi trường hội nhập đa ngôn ngữ, đa văn hóa. Ngoại ngữ sẽ trở thành một thế mạnh của người dân Việt Nam trong quá trình phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*. Trong đề án cũng đề ra mục tiêu và lộ trình cụ thể từ năm 2010 cho đến năm 2020 như sau:

a) Triển khai thực hiện chương trình giáo dục 10 năm, bắt đầu từ lớp 3 môn ngoại ngữ bắt buộc ở các cấp học phổ thông. Từ năm 2010 - 2011, triển khai dạy ngoại ngữ theo chương trình mới cho khoảng 20% số lượng học sinh lớp 3 và mở rộng dần quy mô để đạt khoảng 70% vào năm học 2015 - 2016; đạt 100% vào năm 2018 - 2019;

b) Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 10% số lượng học sinh dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp vào năm học 2010 - 2011, 60% vào năm 2015 - 2016 và đạt 100% vào năm học 2019 - 2020;

c) Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục đại học (cả các cơ sở đào tạo chuyên ngữ và không chuyên ngữ) cho khoảng 10% số lượng sinh viên cao đẳng, đại học vào năm học 2010 - 2011; 60% vào năm học 2015 - 2016 và 100% vào năm 2019 - 2020;

* Trường Đại học Công đoàn

d) Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong chương trình giáo dục thường xuyên với nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo, góp phần tích cực vào công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, viên chức; thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu người học.

Phần đầu có 5% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên vào năm 2015 và đạt 30% vào năm 2020.

2. Thực trạng đào tạo ngoại ngữ tại Việt Nam

Ở Việt Nam, đào tạo ngoại ngữ đã trở nên phổ biến và được đưa vào chương trình giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là từ năm 2008, khi đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020" được triển khai thực hiện rộng rãi trong cả nước. Đến nay, hầu hết tất cả các cấp học, trình độ đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo trong cả nước đã đưa ngoại ngữ vào chương trình đào tạo chính thống. Ngoại ngữ chủ yếu là Tiếng Anh và một số ngoại ngữ thông dụng như Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn Quốc... Qua sơ kết ban đầu cho thấy năng lực ngoại ngữ đã có sự chuyển biến và cải thiện rõ rệt, đa số người dân, đặc biệt là phụ huynh và người học đã nhận thức được vai trò của việc học và nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời đầu tư thỏa đáng cho việc học tập ngay từ khi còn ở cấp học phổ thông tiểu học, đặc biệt là ở một số các thành phố lớn, các gia đình còn đầu tư cho con em mình học thêm ngoại ngữ với mục đích đi du học, làm việc ở các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hay ra nước ngoài làm việc. Nhu cầu học và đào tạo ngoại ngữ những năm gần đây đã tăng lên nhanh chóng, ngoài các trường hay cơ sở đào tạo chính thống của hệ thống giáo dục quốc dân, nhiều cơ sở dịch vụ, trung tâm ngoại ngữ lớn, bé, chính thống hoặc không chính thống (có phép hay không được cấp giấy phép) thuộc nhiều thành phần sở hữu khác nhau được hình thành góp phần phổ cập đại trà về kiến thức và trình độ ngoại ngữ trong dân cư. Các cơ sở, trang thiết bị, giáo cụ phục vụ đào tạo ngoại ngữ cũng đã được chú trọng nâng cấp. Chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đã được cải thiện tích cực và dần được chuẩn hóa. Đa số các trường cũng đã hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ. Chất lượng đào tạo đã và đang đi vào thực chất đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Những kết quả và chuyển biến ban đầu trong đào tạo ngoại ngữ là đáng kể và khích lệ. Tuy nhiên, bên

cạnh đó cũng còn không ít những bất cập hạn chế nhất định như: Chất lượng đào tạo ngoại ngữ chưa đáp ứng được mục tiêu yêu cầu đặt ra ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo, gây ra một phản ứng dây chuyền giữa các cấp học với nhau và tất yếu là hệ lụy chất lượng học sinh tốt nghiệp không đạt năng lực ngoại ngữ so với yêu cầu đặt ra, trong đó có thể nêu ra một số hạn chế sau đây:

Thứ nhất, việc triển khai đào tạo ngoại ngữ trong cả nước chưa thật sự đồng bộ, nhiều địa phương nhất là ở khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo còn gặp nhiều khó khăn. Qua báo cáo của một số địa phương miền núi, nông thôn cho thấy: Tại đây không đủ giáo viên ngoại ngữ để phân bổ cho các trường, nhất là các trường cách xa trung tâm tỉnh, thành phố, thị xã, nhiều giáo viên tiểu học, trung học cơ sở không chuyên ngữ được bố trí dạy ngoại ngữ kèm theo nhiều môn. Không những thế, cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo cụ thiếu thốn, lạc hậu, không đảm bảo cho việc đào tạo, hiện nay, nhiều trường vẫn còn trình trạng "tranh tre, lán nứa", trường, lớp xuống cấp chưa được cải tạo, sửa sang; Mặt bằng, trình độ dân trí còn thấp; Nhận thức việc học ngoại ngữ vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chưa xác định được mục tiêu, động cơ, ý thức học tập để phấn đấu.

Thứ hai, chất lượng đội ngũ giáo viên còn hạn chế, tình trạng giáo viên không đạt chuẩn còn nhiều. Không chỉ ở các địa phương vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa chất lượng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ không đạt chuẩn, mà ngay cả ở các tỉnh thành, thị xã, các thành phố lớn vẫn tồn tại tình trạng này. Theo đánh giá, khảo sát phân loại giáo viên ngoại ngữ ở các trường phổ thông năm 2014 của Sở giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ cho biết: trong số 181 giáo viên tiểu học tham dự khảo sát, số giáo viên đạt chuẩn chỉ có vài người. Kết quả khảo sát của tỉnh An Giang cũng tương tự: Trong số 1.500 giáo viên được khảo sát chỉ có 17,8% số giáo viên bậc THPT đạt chuẩn, 10% số giáo viên THCS đạt chuẩn, thấp nhất là bậc tiểu học, số giáo viên đạt chuẩn tiếng Anh chỉ chiếm khoảng 5%. Như vậy, tỷ lệ chung cho cả 3 bậc học chỉ có 165/1.500 = 11% số giáo viên đạt chuẩn. Thành phố Hồ Chí Minh được coi là địa phương năng động, có đội ngũ giáo viên tiếng Anh cao hơn so với mặt bằng cả nước nhưng qua sát hạch 1.100 giáo viên THCS, THPT, giáo dục thường xuyên, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của 10/24 quận huyện cũng chỉ có 171 giáo viên đạt chuẩn, chiếm 15,54% giáo viên đạt chuẩn. Điều đáng quan tâm là trong số 929 giáo viên không đạt chuẩn, rất nhiều người là tổ trưởng bộ môn tiếng

Anh ở các trường nổi tiếng, thậm chí có người đã tốt nghiệp cao học, có người nổi tiếng với thành tích bồi dưỡng học sinh giỏi, nổi tiếng với tỷ lệ dạy học sinh thi đậu đại học 100%. Tương tự, tại tỉnh Tiền Giang, qua khảo sát 900 giáo viên tiểu học và trung học cơ sở, chỉ có 10% chuẩn theo quy định, đặc biệt theo ông Trần Thanh Đức - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang thì do vài năm gần đây Sở đã tiến hành bồi dưỡng cho giáo viên nên mới đạt kết quả này, nếu không kết quả sẽ còn thấp hơn. Nhiều tỉnh tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, chưa tiến hành khảo sát chuẩn tiếng Anh, nhưng đã cảm chắc kết quả chẳng khác là mấy, có thể còn thấp hơn. Ở các địa phương phía Bắc đã thực hiện đánh giá, khảo sát như Hà Nội, Hải Dương cũng cho kết quả không mấy khả quan. Trong hàng trăm giáo viên tham gia khảo sát, chỉ có vài chục giáo viên đạt chuẩn. Từ năm 2009, khi triển khai đề án “*Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020*”, nhiều trường cũng tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo lại và nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giáo viên. Tuy nhiên, sự chuyển biến này vẫn chưa thật sự rõ nét. Chất lượng đội ngũ giáo viên mỏng và yếu không chỉ diễn ra ở các cấp học phổ thông, trung cấp nghề và chuyên nghiệp, mà ngay cả trong các trường đại học, cao đẳng. Theo công bố của Bộ giáo dục và Đào tạo hiện nay chỉ mới có 10 trường trong tổng số trên 500 trường đại học được cấp chứng chỉ B1 tiếng Anh khung tham chiếu Châu Âu. Lý giải về kết quả khảo sát và kết quả nhiều giáo viên không đạt chuẩn, nhiều cán bộ quản lý giáo dục ở địa phương cho rằng nguyên nhân chính là do chất lượng đào tạo của các trường đại học sư phạm không đạt chuẩn, hoặc nhiều học sinh giỏi tiếng Anh chỉ thi vào các trường đại học ngoại thương, kinh tế đối ngoại mà không thi vào sư phạm. Không đánh giá sâu về chương trình đào tạo và chất lượng sinh viên sư phạm, ông Nguyễn Ngọc Vũ - Trưởng khoa ngoại ngữ Trường ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh - lý giải: “*Ngoại ngữ là một môn kỹ năng chứ không phải chuyên về kiến thức. Nếu không thực hành thường xuyên, không có môi trường rèn luyện, kỹ năng sẽ ngày càng bị mai một. Những giáo sinh mới ra trường có thể có kỹ năng nghe, nói rất tốt nhưng sau vài năm giảng dạy các kỹ năng này bị mai một do chương trình phổ thông không có môi trường rèn luyện các kỹ năng này. Chương trình dạy chủ yếu là đọc hiểu và ngữ pháp. Điều này cũng có thể lý giải vì sao các chứng chỉ quốc tế như TOEIC, TOEFL chỉ được công nhận giá trị trong khoảng thời gian hai năm*”.

Ông Nguyễn Quốc Hùng, chuyên gia ngoại ngữ

của Đề án Dạy học ngoại ngữ 2020, nhìn nhận: “Về yếu tố người thầy thì đáng buồn là trình độ thấp quá, đi huấn luyện mới thấy, trừ các thầy dạy đại học, còn đa số là trình độ rất thấp”. Theo ông Hùng, đợt 1 thi kiểm định chất lượng trình độ B2, có 92 - 98% GV trên tổng số 8.000 GV được khảo sát, điều tra trên toàn quốc không đạt. Ông Hùng cho rằng đã đề ra cho 9 trường đại học làm nhiệm vụ nâng chuẩn cho giáo viên lên trình độ B2, C1 và cần phải giải quyết một cách tích cực thì trình độ thật mới lên.

Chất lượng đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ nói chung đã bị đánh giá yếu, thiếu và không đạt chuẩn, thì đội ngũ giảng viên dạy ngoại ngữ chuyên ngành tại các trường cao đẳng, đại học lại càng bộc lộ những điểm yếu hơn. Trước hết, các giảng viên này chưa tốt nghiệp chuyên ngành và lĩnh vực mà mình giảng dạy. Mặt khác, trong các trường đại học cũng chưa có giáo trình tài liệu chuẩn phục vụ cho việc giảng dạy chuyên ngành. Những hạn chế này đã làm cho việc giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành kém hiệu quả và trong nhiều trường hợp trở nên chung chung, thiếu cụ thể, không phân biệt được những kiến thức ngoại ngữ này dành cho sinh viên ngành nào và kết cục là sinh viên không thể thích ứng và đáp ứng được yêu cầu tối thiểu khi tiếp nhận công việc của chính ngành mình học.

Nhìn chung, giáo viên (GV) dạy tiếng Anh ở các cấp học đều đạt chuẩn về bằng cấp, song do được đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau, từ chính quy, tại chức đến từ xa và từ nhiều trường khác nhau nên chất lượng không đồng đều. Chính vì vậy, yêu cầu về chuẩn theo khung năng lực châu Âu thì số lượng GV đạt chuẩn chiếm tỷ lệ rất thấp. Để nâng cao chất lượng đào tạo, trước hết phải có giải pháp nâng cao năng lực và trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên, coi đây là khâu đột phá để chuẩn hóa đội ngũ giáo viên cũng như chất lượng đào tạo ngoại ngữ nói riêng.

Thứ ba, Cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo cụ phục vụ cho đào tạo ngoại ngữ còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 với kinh phí gần 9.400 tỉ đồng, Đây là sự đầu tư lớn, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra. Hầu hết các trường từ tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và thậm chí cả các cấp học cao hơn như cao đẳng, đại học không có hoặc thiếu phòng học tiếng. Các phòng học không bảo đảm về thiết kế để phục vụ cho việc học ngoại ngữ. Sĩ số lớp học đông không đạt chuẩn theo quy định, các thiết bị nghe, nhìn thiếu hoặc lạc hậu.

Thứ tư, Trình độ ngoại ngữ đầu vào của các trường

đại học, cao đẳng không đồng đều. Do đặc thù tuyển sinh, trong một khóa, ngành học có rất nhiều khối thi khác nhau, dẫn đến trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên cũng chênh lệch khá lớn. Để xác định trình độ ngoại ngữ đầu vào, nhiều trường đã tổ chức kiểm tra phân loại trình độ ngay từ kỳ đầu của khóa học. Tuy nhiên, cũng không thể chính xác. Điều này, dẫn đến trường hợp sinh viên trong cùng một lớp học nhưng trình độ khá chênh lệch gây khó khăn cho việc dạy và tiếp thu kiến thức.

Thứ năm, Thiếu không gian môi trường ngoại ngữ. Việc học ngoại ngữ rất cần không gian và môi trường ngoại ngữ, đòi hỏi người học phải thường xuyên giao tiếp, trao đổi với nhau bằng ngoại ngữ. Tuy nhiên, đây là điểm yếu của đào tạo Việt Nam, môi trường ngoại ngữ rất hạn chế không chỉ đối với người học và ngay cả đối với chính giáo viên, tại đây không có điều kiện giao lưu, tiếp xúc thường xuyên về ngoại ngữ, nhất là chương trình thực tập tại các nước bản ngữ. Hàng ngày, học sinh, sinh viên và giáo viên đều sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, rất ít hoặc ngại giao tiếp thông qua ngoại ngữ.

2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ

Để nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ, trước hết theo chúng tôi cần tập trung làm tốt một số giải pháp sau:

Một là, Củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục đào tạo trong cả nước, đảm bảo đáp ứng nhu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ đào tạo. Đội ngũ giáo viên được coi như những máy cái để tạo ra sản phẩm. Chất lượng đào tạo có đảm bảo và nâng lên hay không trước hết phụ thuộc vào đội ngũ giáo viên. Vì vậy, tất cả các cơ sở đào tạo ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ở các cấp học và trình độ đào tạo phải đủ số lượng giáo viên cần thiết theo quy định, đặc biệt là chất lượng đội ngũ giáo viên phải đảm bảo đạt chuẩn theo yêu cầu đặt ra và phải coi đây là điều kiện tiên quyết để cấp phép đào tạo ngoại ngữ, tránh tình trạng mở và đào tạo tràn lan, hình thức, chất lượng thấp như hiện nay. Công việc cấp thiết hiện nay là tổ chức đánh giá, phân loại lại toàn bộ đội ngũ giảng viên, trên cơ sở đó cân đối sắp xếp bố trí lại lực lượng giáo viên cho đúng với yêu cầu tiêu chuẩn đặt ra. Mặt khác, cần tổ chức rà soát, quy hoạch, có kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng giáo viên, giảng viên ngoại ngữ để bảo đảm đủ lượng, cơ cấu, trình độ đáp ứng nhu cầu, mục tiêu đào tạo. Chú trọng mở các khóa bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho những người đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định mà có nguyện vọng

được tuyển dụng làm giáo viên, giảng viên dạy ngoại ngữ; Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng. Khuyến khích bồi dưỡng giáo viên qua các khóa tập huấn quốc tế trong nước và nước ngoài, được cấp chứng chỉ quốc tế; Cần có cơ chế, chính sách thu hút giáo viên, giảng viên ngoại ngữ giỏi, có chính sách đặc thù đãi ngộ thỏa đáng cho giáo viên, giảng viên ngoại ngữ. Kiên quyết không bố trí giáo viên không đạt chuẩn, không đảm bảo trình độ, năng lực ngoại ngữ để dạy trong các cấp học và trình độ đào tạo, trên nguyên tắc đánh giá nếu phù hợp cấp học nào, trình độ nào thì bố trí ở cấp học, trình độ đó, còn không sẽ phải chuyển đổi làm công việc khác. Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ chuyên ngành nào thì cần phải tốt nghiệp hoặc có chứng chỉ đào tạo đối với chuyên ngành đó, khuyến khích những giảng viên là thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài tham gia giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành. Nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng, đại học đào tạo chuyên ngoại ngữ hiện có; mở rộng việc thành lập các khoa đào tạo ngoại ngữ ở một số trường đại học, cao đẳng có điều kiện bảo đảm, chú trọng xây dựng, phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên ngoại ngữ trình độ cao đẳng, đại học ở các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long.

Hai là, Linh hoạt trong đào tạo ngoại ngữ. Đào tạo ngoại ngữ là cần thiết để thúc đẩy hội nhập quốc tế, ngoài tiếng Anh, cần mở rộng đào tạo các ngôn ngữ khác. Nhà nước cần có quy định về trình độ, năng lực ngoại ngữ tối thiểu mà người học cần đạt được ở mỗi cấp học và trình độ đào tạo, cho phép người học được lựa chọn ngoại ngữ để học thay thế, theo hướng mở rộng các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ thông dụng hiện nay. Khuyến khích mạnh mẽ, tạo cơ chế thuận lợi để các trường liên kết, hợp tác giảng dạy, đào tạo, tuyển dụng người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ trình độ ngoại ngữ làm giáo viên dạy ngoại ngữ trong các nhà trường. Nhất là đối với các trường phổ thông chuyên ngữ, dạy các chương trình ngoại ngữ tăng cường, dạy song ngữ. Thu hút sự giúp đỡ, tham gia đào tạo của các tổ chức, đội ngũ giáo viên tình nguyện có chất lượng của những nước nói tiếng Anh, Pháp, Nga và Trung Quốc...

Ba là, Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ việc dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng danh mục thiết bị tối thiểu phục vụ cho việc dạy và học ngoại ngữ trong các cấp học, trình độ đào tạo; ban hành tiêu chuẩn phòng học tiếng nước ngoài, phòng nghe nhìn và phòng đa phương tiện; Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ về công tác sử dụng thiết bị dạy và học ngoại ngữ,

bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học ngoại ngữ ở các trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức biên soạn tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình phục vụ cho đào tạo ngoại ngữ, trong đó, ưu tiên biên soạn tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình điện tử. Tổ chức chương trình giảng dạy ngoại ngữ thông qua truyền hình, thông qua internet. Các cơ sở giáo dục cần phải đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho công tác đào tạo ngoại ngữ. Có chính sách đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những địa phương khó khăn. Xây dựng, ban hành các chính sách đầu tư, các tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất đối với các cơ sở đào tạo ngoại ngữ; Đẩy mạnh công tác xã hội hoá, thu hút sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác dạy và học ngoại ngữ; khuyến khích đầu tư nước ngoài phát triển mở rộng các loại hình cơ sở đào tạo ngoại ngữ.

Bốn là, Tăng cường quản lý nhà nước về đào tạo ngoại ngữ. Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức đánh giá, thẩm định cấp phép cho các cơ sở đào tạo ngoại ngữ, đồng thời công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông để mọi người có nhu cầu lựa chọn cơ sở đào tạo. Hoàn thiện các quy định về việc dạy và học, kiểm tra, đánh giá, cấp văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ; khuyến khích thành lập các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ có chất lượng.

Năm là, Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ việc dạy và học ngoại ngữ, tạo động cơ học tập ngoại ngữ của thế hệ trẻ Việt Nam. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức toàn xã hội, nhất là đối với thế hệ trẻ về việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu mới; Xây dựng và phát huy mạnh mẽ các môi trường tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ của mọi đối tượng; Xây dựng các môi trường làm việc có sử dụng ngoại ngữ ở các cơ quan, công sở; gắn yêu cầu về ngoại ngữ trong việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức nhà nước; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ; Duy trì thường xuyên, mở rộng, nâng cao chất lượng các chương trình truyền hình, phát thanh dành riêng cho việc dạy và học ngoại ngữ. Sử dụng các kênh có dạy ngoại ngữ của các đài truyền thanh và truyền hình của nước ngoài. Khuyến khích phát hành các loại báo, tạp chí bằng ngoại ngữ; các hoạt động văn hóa, âm nhạc, nghệ thuật, thông tin tuyên truyền, quảng bá có sử dụng ngoại ngữ; Khuyến khích phát triển các câu lạc bộ giáo viên ngoại ngữ.

Đào tạo ngoại ngữ là sự cần thiết trong điều kiện hội nhập quốc tế, đòi hỏi mọi người phải có nhận thức đầy đủ và chủ động tự giác học tập nâng cao năng lực, trình độ ngoại ngữ của bản thân. Biết ngoại ngữ và thông thạo ngoại ngữ sẽ là công cụ, phương tiện giúp mọi người có cơ hội tiếp cận với nhiều nền văn hóa, văn minh trên thế giới, là cơ hội để chúng ta tiếp cận học hỏi kinh nghiệm, những thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến, tiếp cận kho tàng tri thức của loài người, đây sẽ là động lực thúc đẩy tăng cường giúp ta có thể cất cánh bay xa, bay cao vươn tới sánh vai với các cường quốc năm châu và bạn bè trên thế giới. Để học tốt ngoại ngữ cần có sự đam mê, cần xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, tạo cho thế hệ trẻ động cơ học tập đúng đắn. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến định hướng nâng cao nhận thức toàn xã hội nhất là cho thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước về việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và phát triển năng lực cá nhân. Xây dựng và phát huy mạnh mẽ các môi trường tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ của mọi đối tượng; Xây dựng các môi trường làm việc có sử dụng ngoại ngữ ở các cơ quan, công sở; gắn yêu cầu về ngoại ngữ trong việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức nhà nước; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ; Cần đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu cần thiết cho việc dạy và học ngoại ngữ; Tăng cường công tác đào tạo giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, chuẩn hóa và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và giảng viên dạy ngoại ngữ trong các cấp học và trình độ đào tạo đảm bảo đáp ứng cả về số lượng, chất lượng, cũng như cơ cấu đội ngũ giáo viên, giảng viên; Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo nói chung và đào tạo ngoại ngữ nói riêng; Duy trì thường xuyên, mở rộng, nâng cao chất lượng các chương trình truyền hình, phát thanh dành riêng cho việc dạy và học ngoại ngữ. Sử dụng các kênh có dạy ngoại ngữ của các đài truyền thanh và truyền hình của nước ngoài. Khuyến khích phát hành các loại báo, tạp chí bằng ngoại ngữ; các hoạt động văn hóa, âm nhạc, nghệ thuật, thông tin tuyên truyền, quảng bá có sử dụng ngoại ngữ; Khuyến khích phát triển các câu lạc bộ giáo viên ngoại ngữ; Hoàn thiện các chính sách, chế độ đãi ngộ đối với giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, nhất là các địa phương khó khăn, vùng sâu, vùng xa; Tăng cường quản lý Nhà nước

(Xem tiếp trang 64)

Các yêu cầu về kĩ năng, cũng như thời lượng dành cho bước này phải tương thích với các mức độ yêu cầu thể hiện rõ trong mục tiêu bài học.

Bước 4- Vận dụng

Bước này giúp người học đem kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn. Đây không phải chỉ là việc liên hệ thực tế một cách “chiếu lệ”, mà phải nghiên cứu, đưa ra các giải pháp, chứng minh tính khả thi...

Điều này không đơn giản vì còn liên quan đến bản chất của các kiến thức và kĩ năng đã học. Không phải kiến thức, kĩ năng nào cũng có thể vận dụng thực tiễn một cách tức thời. Tuy vậy, nó cũng có thể đặt vấn đề ngược lại để ta lựa chọn, diễn giải những kiến thức, kĩ năng sao cho có ý nghĩa thiết thực hơn.

Để thực hiện tốt bước vận dụng, giảng viên cần thiết kế một số tình huống có vấn đề, gắn liền với thực tiễn, và yêu cầu sinh viên huy động kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết.

Bước 5- Đánh giá

Bước này giúp sinh viên tự đánh giá, và giảng viên cũng có thể kiểm tra, đánh giá kết quả học tập rèn luyện của cả lớp, cũng như của từng sinh viên.

4. Thực hiện quy trình bài học

4.1. Quy trình trên đây là sự vận dụng có bổ sung mô hình bài học trong Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN), do đó có những ưu điểm sau:

- Tạo điều kiện để giảng viên cân đối yêu cầu giữa lý thuyết và thực hành; quan tâm hơn đến việc vận dụng, đảm bảo sự gắn kết giữa bài học với thực tiễn.
- Tạo cơ chế để sinh viên tự học, tự tìm kiếm kiến thức và rèn luyện kĩ năng; tạo cơ hội để vận dụng các phương pháp dạy học tích cực; phát triển các năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề... ở người học.
- Thuận lợi cho kiểm soát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4.2. Tuy vậy, quy trình nào cũng dễ bị cứng nhắc, khô khan. Do vậy, khi thực hiện cần phải linh hoạt. Các hoạt động nghiên cứu lý thuyết, thực hành, vận dụng và đánh giá đều có thể thực hiện trong lớp hay ở nhà, ngoài thực địa... vào các thời điểm trong hay ngoài giờ học chính thức. Tùy theo nội dung từng bài học để có thể giảm thiểu hoặc điều chỉnh các bước cho phù hợp, gây được hứng thú cho sinh viên.

5. Kết luận

Bài viết này thiết kế quy trình bài học ở đại học trên cơ sở vận dụng mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN) và theo định hướng phát triển năng lực người học. Quy trình được đề xuất gồm các bước: (1) Nhập đề; (2) Nghiên cứu lý thuyết; (3) Thực hành; (4) Vận dụng; (5) Đánh giá.

Quy trình trên đây có nhiều yếu tố phù hợp với cách dạy học truyền thống, đồng thời có những yếu tố mới, tích cực, nhất là đã tạo cơ chế để phát triển năng lực người học.

Quy trình này sẽ tiếp tục nghiên cứu và sử dụng trong thực tế, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học ở đại học. □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2012), Phương pháp dạy học tiếng Việt nhìn từ Tiểu học, NXB. Giáo dục Việt Nam, tr. 279-327.
2. Bloom B. S. Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive Domain. New York, 1956.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổ chức lớp học theo Mô hình trường học mới Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.
4. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2011), Lý luận dạy học hiện đại, Trường ĐHSP Hà Nội - Trường ĐH Potsdam, tr.42-43.

ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ...

(Tiếp theo trang 72)

trong dạy và học ngoại ngữ, thường xuyên đánh giá, sát hạch, công nhận về trình độ, năng lực ngoại ngữ của giảng viên, giáo viên, các trung tâm, cơ sở đào tạo chuyên ngữ. Tóm lại, cần phải thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ, khoa học tất cả những giải pháp để thúc đẩy đào tạo và không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, và hơn hết là biến học ngoại ngữ trở thành nhu cầu thiết yếu, tự thân của mỗi cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. □

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”.
2. S.Sacovski, Xã hội hóa giao tiếp ngôn ngữ và các vấn đề về giảng dạy tiếng nước ngoài, Moscow, 1987.
3. Bùi Hiền, Phương pháp hiện đại dạy - học ngoại ngữ, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 1999.
4. Hiếu Nguyễn. Giải pháp mới giúp sinh viên đạt chuẩn tiếng Anh, Tạp chí giáo dục & thời đại - tháng 10/2015.
5. Đặng Xuân Thu, Nguyễn Minh Phúc, Những nhân tố tác động tới việc giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy - học ngoại ngữ ở Việt Nam, Tạp chí giáo dục & thời đại - tháng 10/2015.
6. Ngoại Ngữ - Chia Khóa Cửa Cánh Cửa Hội Nhập. InfoTV: Chuyên đề “Nguồn nhân lực cho nền kinh tế” ngày 16/10/2012.
7. Nhiều giáo viên tiếng Anh không đạt chuẩn. Tin mới.vn ngày 11/7/2012.